

# TIỂU SỬ THẦY – TỔ DỊCH LÝ VIỆT NAM



**Dịch Lý Sĩ: Xuân Phong NGUYỄN VĂN MÌ**

# **Dịch Lý Sĩ Xuân Phong NGUYỄN VĂN MÌ**

*Sư Tổ Dịch Lý Việt Nam, Nguyên Hội Trưởng Việt Nam Dịch Lý Hội.*

Thầy Mì sinh năm 1917, là con thứ ba trong một gia đình nghèo 10 người con ở xóm lao động vùng Hoà Hưng Sài Gòn. Gia đình thường ăn cơm chan nước mắm, ngũ “khách sạn ngàn sao”. Cha mẹ hay gây gổ nhau vì nghèo túng. Có lần mẹ giận quá lấy dao chành đầu bằng đâm vào bụng cha, nhưng không việc gì. Thầy Mì lúc đó mới 10 tuổi không can thiệp gì được chuyện người lớn.

Như bao trẻ nghèo thất học khác trong xóm, hàng ngày Thầy đi rong rêu khắp xóm làng. Ngày nọ đi ngang qua một trường học, Thầy đứng ngoài rào chăm chăm nhìn vào đến hết giờ học. Sau đó ngày nào Thầy Mì cũng đến đứng ngoài rào nhìn vào ... Rồi bỗng có một Ông Cha ra hỏi: Con làm gì mà mấy ngày nay Cha thấy con nhìn vào hoài vậy?

– Dạ con thấy các bạn học, con muốn được học.

– Con muốn học thì vào đây Cha dạy cho.

Thế rồi từ đó Thầy Mì được học chữ trong 3 năm chương trình Pháp. Đến hết đời Thầy không được diễm phúc học trường lớp nào nữa. Vậy mà sau này trên 70 tuổi, Thầy Mì nói chuyện với người Pháp rất giòn già.

Theo năm tháng Thầy Mì sống và lớn lên dần dần trong hoàn cảnh bản thân, gia đình thấp kém như thế nên khi thành thiếu niên, thanh niên có sức vóc Thầy sớm lặn lội lao lách ngoài đời tự kiếm sống. Đến lúc làm một tay anh chị đứng bến tàu Sài Gòn, thì gia sản khá sung túc. Khoảng năm 30 tuổi, trong một cuộc thách đấu kéo tay với một tên Tây đen bên Thị Nghè, vì quá ráng sức, Thầy Mì bị xì phổi, phải cấp cứu, Bác sĩ Trần Văn Đỗ cắt một lá phổi bên trái của Thầy. Từ đó Thầy Mì trở thành phế nhân, xệ vai trái, mang bệnh suyễn, không làm tay anh chị được nữa. Thầy có ý nghĩ tự tử.

Vào một đêm mưa lất phất, Thầy ngồi ở vỉa hè đường Hàm Nghi đợi tới khuya bên tàu vắng người sẽ nhảy xuống sông để không ai phát hiện. Trong lúc chờ đợi, thấy bên kia vệ đường có ánh đèn dầu leo lét, Thầy thả bộ qua, thì ra ngồi đó là một người Tàu. Thầy Mì hỏi ông ngồi đây làm gì?

- Ngộ coi bói.

- Ông coi cho tôi đi ... Làm sao mà ông nói trúng quá vậy?

Thầy bói chỉ vào mớ sách bày trước mặt:

- Thì học trong sách này.

- Ông cho tôi mượn coi được không?

- Nị không biết chữ Tàu thì đọc sao được!

- Ấy! Ông cứ cho tôi mượn, mai tôi trả.

Thầy Mì liền trở về nhà, nhờ người dịch sơ vài trang thì Thầy biết rồi. Đêm sau Thầy đem trả và mượn sách khác, rồi nhờ người dịch qua tựa và vài đoạn trong sách, rồi đêm sau

đem trả. Cứ thế tiếp tục đọc hết sách của ông Thầy bói Tào. Lúc đó Thầy Mi chưa đọc biết gì về Kinh Dịch.

Sau này Thầy Mi nói với *Nam Thanh*: Thầy chỉ đọc qua mấy cuốn sách bói lúc đó, Thầy có cảm tưởng những sách đó rất quen thuộc với Thầy như thể Thầy đã viết hoặc đọc từ lâu. Tới giờ Thầy thuộc lòng trên lòng bàn tay ...

Khi Thầy Mi khoảng 45 tuổi bước vào sự nghiệp Dịch Lý thì gá nghĩa vợ chồng với Cô Mụ Trần Thị Xuân Bông, chủ nhà Bảo sanh nổi tiếng vùng Hoà Hưng, đường Lê Văn Duyệt. Bà Cô lớn hơn Thầy Mi hơn con giáp, có con riêng. Bà Cô được tiếng là Mụ Trời, suốt đời làm Mụ không sảy một ai. Nhà Bảo Sanh của Bà Cô có mướn Bác sĩ làm việc. Mẹ của Nam Thanh là Bà Thiếu Tá Phan Văn Phòng vào năm 1957 có đến đây được Bà Cô lấy cái thai chết khô nhiều tháng. Người ta nghe đồn đi coi rất đông. Sau Bà Cô già nhượng Nhà Bảo sanh cho người khác, theo Thầy Mi sống nghèo trong ngõ hẻm.

Sau 1975, Bà Cô về quê nhà ở bên cồn bên đò Xã Vạt Sa Đéc kế cận lò gạch và mât, được chôn trước nhà trong cảnh đăm ma nghèo vùng quê. Thầy Mi thương nhớ Bà Cô vô vàn. Thường ngày ra sân vườn chăm sóc Bông Vạn Thọ, làm thơ nhớ vợ ... Thầy Cô chấp nối, gá nghĩa làm bạn, vì lớn tuổi nên không có con. Chỉ nuôi đứa cháu gái là Hồng Liên, con của Cô Bảy em ruột của Thầy Mi, kêu Thầy Mi là Cậu Ba. Đến nay 2005, Hồng Liên vẫn chưa có chồng con, làm mướn kiếm sống không nhà cửa.

Vào năm 1995, lúc uống cà phê riêng với trò *Nam Thanh* ở Đình Cây Đa Hòa Hưng, Thầy Mi tâm sự: Khốn nạn nhất của người già như Thầy là tháng tháng trông chờ lên đây ngửa tay nhận tiền của học trò gởi về. Nếu có kiếp sau, Thầy không đi con đường khốn nạn này nữa. *Nam Thanh* bông đùa: Đúng rồi! Nếu có kiếp sau chắc chắn Tạo Hoá không cho Thầy đi con đường khốn nạn này nữa vì đã đi rồi, mà có khi cho đi con đường khác còn khốn nạn hơn, vậy mới là khai sáng tổ chứ! Tội con sợ lắm, nên từ lâu không muốn giống Thầy để xin được hai chữ bình an. Nhưng chắc gì, vì lỡ mắc Dịch rồi!!! Hì hì!!!

# NAM THANH PHAN QUỐC SỬ

*Thừa kế chân truyền Dịch lý Việt Nam với bộ “Kinh Dịch Xưa & Nay”*



THẦY NAM THANH PHAN QUỐC SỬ  
(1944 - 2010)

Nam Thanh PHAN QUỐC SỬ sinh năm Giáp Thân 1944 tại Cần Thơ. Con ông Phan Bá Phòng (1915-1970) và bà Nguyễn Thị Cước (1917-1995). Quê nội ở Bãi Sào, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng. Quê ngoại ở Cái Chanh, Thường Thạnh, Cần Thơ.

Thuở nhỏ vì thời cuộc loạn lạc chiến tranh, ông cùng toàn bộ gia đình phải bỏ quê nhà tản cư theo cha đi kháng chiến nhiều nơi ở Miền Tây Nam Bộ. Đến năm 1956 mới định cư hẳn ở Cầu Chữ Y, Sài Gòn. Từ năm 1989, Ông mới cùng vợ con ra riêng về ở nhà cũ của cha mẹ 499/2 Cách Mạng Tháng 8, P.13, Q.10, Tp.HCM, nơi đây Ông vừa sinh hoạt Quán Dịch Y Đạo Nam Thanh tới nay 2005.

Ông là trai trưởng tộc của một dòng họ PHAN lâu đời danh thế ở vùng Bãi Sào cũ, Sóc Trăng. Gia đình Ông theo Đạo Phật truyền thống dân tộc và thấm nhuần Giáo Lý Tứ Ân nên có lòng yêu nước nồng nàn, luôn lấy việc thịnh suy Đất Nước làm trọng. Cha ông là tấm gương sáng của hiệp sĩ thời nay có ảnh hưởng sâu sắc đến phong cách, sự nghiệp và cuộc đời Ông. Đặt tên QUỐC SỬ cho ông là cha ông muốn sau này ông phải gánh vác chuyện nước non. Chính vì thế mà cả đời ông, cho đến ngày hôm nay 60 tuổi, tuy là thường dân, thầy thuốc nghèo trong ngõ hẻm, bằng cách này hay cách khác, ông luôn giữ vững khí

tiết, tỏa rộng hào khí Tiên Rồng, khơi truyền tình tự Tộc Việt, đậm đầy hồn thiêng sông núi nghĩa lớn đồng bào, tình thương nhân loại.

Bộ KINH DỊCH XƯA VÀ NAY gồm 3 Tập là tác phẩm duy nhất ông để lại cho đời mà ông đã phải cưu mang và trả giá hơn nửa cuộc đời rong ruổi nổi trôi để có hiểu biết và vốn sống kinh lịch tuyệt thế. Ông đã đem tất cả sở tồn làm sở dụng. Trời, Đời, Người đưa đẩy bắt buộc ông phải ứng biến học tập ít nhiều đủ thứ để mưu sinh thoát hiểm, để tồn tại và tiến bộ, không ngờ đó lại là chất liệu quý giá hình thành Bộ Kinh Dịch Xưa và Nay.

Cơ duyên đến với Dịch Lý Việt Nam.

Năm 1967, trong một buổi họp thường kỳ của Đoàn Sinh Viên Phật Tử Đà Lạt, đang bàn luận sẽ mời những vị khách nào có trình độ thuyết giảng Đạo Lý cho Đoàn Viên, Nguyễn Cao Dũng Đoàn Phó nói:

- Sao anh Sử không mời Ông *Xuân Phong* Nguyễn Văn Mì lên thuyết trình, nghe nói Ông ấy dạy Chân Lý Học Âm Dương Dịch Lý gì đó ở Sài Gòn?
- Tôi cũng ở Hoà Hưng, Sài Gòn sao không nghe biết ông này. Cứ cho địa chỉ, sẵn vài bữa tôi đi máy bay về thăm nhà sẽ đến mời.

Thế là Sử tìm đến Hoà Hưng nhà Tùng trong hẻm. Tùng là bạn của Dũng nói: Chân lý gì, giả lý thì có. Tôi học ở Tam Tông Miếu 2 tháng, chẳng thấy gì nên bỏ. Sử nói: Anh chẳng thiết tha Chân Lý, Dịch Lý gì đâu, Anh chỉ mời khách thôi. Nếu Tùng nói vậy thì dẫn anh đến cho biết thế nào là giả lý để sau này gặp chân lý anh phân biệt được. Tùng nói trước: Đến đó, sau 2 tháng anh trở lại cho em biết có phải như em nói không. Tới nay 2005, Sử không gặp lại Tùng.

Đi quanh co trong ngõ hẻm xóm lao động bình dân, nhà Thầy Mì thường thôi (cấp 4 bây giờ). Thầy đang nằm lắc võng treo trên divan ở mái hiên trước nhà. Thầy Mì tiếp khách tại hàng ba (hàng hiên) này. Tuổi chưa tới 60, trán hói, dong dỏng cao, giọng nói rồn rảng, cử chỉ dứt khoát, uống nước trà đường đậm đặc, hút thuốc thơm liên tục Ruby Queen Quân Tiếp Vụ, vai lệch bên trái, mắt mở to không chớp đồng tử lớn, thỉnh thoảng khắc đờm vào cái lon thiếc, mặc bộ pyjama lụa trắng đã sờn bâu. Thầy Mì vẫn ngồi trên võng. Sử được mời nằm trên ghế bố toi.

- Con đến đây mời Thầy lên Đà Lạt thuyết trình cho Sinh Viên Phật Tử.
- Đà Lạt lạnh không hợp sức khoẻ Thầy, nếu có giấy mời của Viện Trưởng, Thầy ráng đi một chuyến hoặc cử người. Tốt nhất con học vài ngày rồi lên đó thuyết trình luôn. – Được sao?
- Được chứ!
- Con học trường Chính Trị Kinh Doanh để lẫn lộn với đời kiếm chút danh lợi quyền thế, lâu nay không thiết tha Đạo Lý, Chân Lý, Dịch Lý lắm. Nếu có môn này thì con học: *Thành công không bao giờ thất bại.*
- Con nói thiệt hay nói chơi. Nếu nói thiệt thì Thầy nghiêm túc trả lời là: Có!

- Thầy đừng nói giỡn. Con từng đọc sách cổ kim đông tây và ngay cả những người Thầy dạy con thì không có môn nào và ai thành công không bao giờ thất bại, chỉ có thành công nhiều thất bại ít mà thôi. – Ấy! Con cứ học đi rồi sẽ biết.

Suốt 3 tháng hè năm đó (1967), Sử không đi chơi, không đi làm kiếm tiền mà vui đầu vào những đề tài Triết Dịch do Cao Thế Nhân phụ đạo và Thầy Mì khán trận. Thầy Mì ra điều kiện cho các học trò nòng cốt phải: vừa học, vừa giảng, vừa viết bài, xong môn học là thành cuốn sách. Sử chấp nhận ngay vì thấy thừa khả năng. Mỗi kỳ hè học một môn, cuối cùng Sử giao cho Hội 3 tập sách:

- *Lý Học Truy Nguyên* (Triết Dịch).
- *Việt Nam Khoa Dịch Lý Học* (Dịch Lý Báo Tin).
- *Thiên Nhiên Xã Hội Học* Tập I (Giao Dịch Xã Hội).

Ở kỳ hè thứ 3, sau khi học hai môn Triết Dịch và Dịch Lý Báo Tin, nhân một hôm vắng người Thầy Mì nói:

- Sử con, sau này con sẽ là người xiển dương Dịch Lý Việt Nam.
- Thầy đừng nói vậy, con là phàm phu tục tử chỉ cầu học tranh quyền đoạt lợi mà thôi. Còn xiển dương Dịch Lý, Chân Lý, Đạo Lý con không có khả năng cũng không hợp sở thích.
- Không phải Thầy nói đâu! Do Ông đó! Con cứ hỏi Ông thì biết. – Vừa nói Thầy Mì vừa chỉ tay lên Trời.

Sau đó 2 lần khác nhau bỗng nhiên Sử mở Tượng Quẻ đều ứng là *Kiến - Cấu* hoặc *Cấu - Kiến*. Vậy là tiêu tan chí nam nhi tung hoành hồ thủy, mộng bá đồ vương. Sử là người hào khí: thà uống rượu mồi chó không chịu uống rượu phạt: Tri thiên mạng rồi thì phải tận nhân lực mới gọi là thuận thiên hành đạo, khai vật thành vụ. Từ đó Sử lơ là học hành thi cử chuyện đời, trên 30 năm chỉ chuyên tâm về Dịch Lý Việt Nam, và có kết cục như ngày hôm nay đúng như lời Thầy Mì nói lúc sơ ngộ.

Lúc đó Sử nhắc lại: Thầy nói có môn Thành công không bao giờ thất bại, sao tới nay không thấy?!

Thầy Mì cười ngất: Con cho Thầy biết, trên đời có ai được vậy không? Theo Thầy chỉ có một người. Thầy Mì hất mặt ngó lên Trời: Chỉ có va thôi! Đâu, con nói Ông Trời thất bại chỗ nào?! Lâu nay con học là học Luật Tạo Hoá, là học Thiên Mưu, là Luật Trời: Thành công không bao giờ thất bại rồi đó. Con còn đòi học cái gì nữa. Chỉ có con người, mọi vật thất bại, chứ Ông Trời là Luật Thiên Nhiên thì không thất bại bao giờ.

Liền đó Thầy Mì kêu vài học trò cũ đến cùng Sử học Khoa Thiên Nhiên Xã Hội Học và Sử nộp bài thu hoạch cuối khoá 3 tháng trước hơn hết nên Hội tạm đặt là Khoa Thiên Nhiên Xã Hội Tập I. Đến nay chưa thấy Tập II trình làng.

Năm 1993, Thầy Mì nói:

- Sử con, sao con lập được *Quán Dịch Y Đạo* hay vậy, nhứt là chữ *Quán*?! Thầy ở dưới Sa Đéc mong lên đây đến Quán con là chỗ lý tưởng nhứt của Thầy.

– Thì cũng do con dùng Môn Thiên Nhiên Xã Hội Học Thầy dạy. Con không phải người của chính quyền. Lúc nào con cũng là thường dân mà không phải dân thường. Đây mới chỉ là chuyện nhỏ bước đầu.

Năm 1995, Thầy Mì nói: – Sử con, từ nay Thầy cho phép con được dùng chữ *Kinh Dịch* để vào ra thiên hạ cho có bạn hữu. Nếu sau này con làm được gì thì nhớ giới thiệu Nhân, tội nghiệp nó.

Sử nói: – Thầy nói lạ. Anh Nhân là Sư huynh tài đức hơn con, lúc nào cũng dạy con được, con làm sao hơn anh. Về Dịch Lý Việt Nam thì người ta đi kiếm anh, chứ kiếm con làm chi.

– Thì Thầy nói vậy!

Hai ngày sau Sử nói:

– Trình Thầy, Thầy cho phép con dùng 2 chữ *Kinh Dịch*, nay con thêm 3 chữ *Xưa và Nay*.

– Ở đâu mà con nghĩ ra hay quá vậy! *Kinh Dịch Xưa và Nay* là *Thuần Khôn - Lôi Địa Dự: Chúng Nhân - Thuận Động* thì còn gì bằng.

Từ đó Sử đổi tựa và một ít nội dung giáo trình Dịch Lý Việt Nam do Sử biên soạn là *Kinh Dịch Xưa và Nay*, đến cuối năm 1999 phải xong Tập I, II không để ló qua năm 2000. Còn Tập III Lý giải 64 Danh Ý Tượng Dịch trong Dịch Kinh Đại Toàn là do học viên yêu cầu Sử biên soạn thêm trong 3 tháng cuối năm 2002 xong.

Thật lòng Sử không chủ ý *viết Kinh dạy đời*, chẳng qua được Thầy Tổ cho phép Người thừa kế chân truyền bản môn, cũng nguyên là Trưởng Ban Tu Thư Việt Nam Dịch Lý Hội được vinh hạnh *chép Kinh truyền đời*. Nay nhiệm vụ chép truyền Kinh đã xong, bút hiệu *Nam Thanh* Dịch Học Sĩ không dùng nữa, mà chỉ còn dấu tích một lão già mắc Dịch: *Nam Thanh* Cư Sĩ vui cùng cỏ cây sông núi mà thôi.

**THANH TIÊN**

*(Theo lời kể của NAM THANH cư sĩ)*